

Số: 1704 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật tổ chức Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 18 /6/2019 của UBND tỉnh phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 326/TTr-STNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mục tiêu đối với các khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp (*Đính kèm phụ lục*) đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác theo phương thức lựa chọn không đấu giá quyền khai thác để phục vụ các dự án đầu tư vốn ngân sách nhà nước được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, như sau: "*Cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; khu vực*

có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới;”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung khác theo Quyết định 546/QĐ-UBND ngày 06/3/2019; Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 18/6/2019; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; Quyết định 2650/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các thị xã: Hương Thủy, Hương Trà, huyện Phong Điền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND;
- TT UBND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương

PHỤ LỤC
Danh mục các mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp
được điều chỉnh mục tiêu
(Kèm theo Quyết định số 1704 /QĐ-UBND ngày 20/7/2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT | Số Giấy phép khai thác | Khu vực mỏ | Đơn vị được cấp phép | Diện tích (ha) | Thời gian khai thác | Ghi chú |
|-----|---|--|--|----------------|------------------------|---------|
| 1 | Giấy phép số 24/GP-UBND ngày 26/4/2021 | Khu vực thôn Hiền Sỹ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền | Công ty TNHH Quý Hưng | 7,515 | đến hết ngày 30/9/2023 | |
| 2 | Giấy phép số 69/GP-UBND ngày 23/12/2022 | Khu vực vùng đồi Vũng Chòi, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà | Công ty TNHH MTV Hải Quốc Toàn (đại diện cho Liên danh Công ty Cổ phần Thành An và Công ty TNHH MTV Hải Quốc Toàn) | 6,83 | đến hết ngày 30/9/2023 | |
| 3 | Giấy phép số 76/GP-UBND ngày 28/12/2020 | Khu vực đồi Trốc Voi 2, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | Công ty TNHH Xây dựng Minh Nhật | 9,55 | đến hết ngày 30/9/2023 | |
| 4 | Giấy phép số 56/GP-UBND ngày 26/10/2021 | Khu vực đồi Trốc Voi 2, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy | Công ty TNHH MTV Tuấn Nhân | 5,42 | đến hết ngày 30/9/2023 | |